

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2022. / *quc*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN- TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *quc*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn; tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Dưới 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,15
Từ 3.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo trở lên	0,2

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

d) Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Dưới 500 người/năm	0,1
Từ 500 người/năm đến dưới 800 người/năm	0,2
Từ 800 người/năm trở lên	0,3

đ) Tiêu chí 5: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Dưới 30.000 người	1
Từ 30.000 đến dưới 50.000 người	1,3
Từ 50.000 đến dưới 70.000 người	1,6
Từ 70.000 đến dưới 80.000 người	1,9
Từ 80.000 người trở lên	2,2

e) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho mỗi huyện, thị xã, thành phố theo từng dự án/tiểu dự án.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố; số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố (áp dụng đối với các dự án/tiểu dự án có tiêu chí đơn vị hành chính).

Q là vốn bình quân cho huyện, thị xã, thành phố theo từng dự án/tiểu dự án, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện từng dự án/tiểu dự án.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn từng Dự án

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho Sở Y tế (cơ quan chủ trì Tiểu dự án) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hậu Giang.

- Vốn sự nghiệp: Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, đ, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình

- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh chủ trì chương trình, chủ trì các dự án thành phần và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện chương trình: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 30%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 4%, Sở Thông tin và Truyền thông 4%, Sở Y tế 4%, Sở Kế hoạch và Đầu tư 4% và Sở Tài chính 4%); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình

Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.